

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 14/2023/KDTM-ST

Ngày 19/9/2023

*V/v “Yêu cầu thanh toán
chi phí kiểm soát dịch hại”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Tuấn Ngọc
+ Ông Trần Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thái Bình**- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/TLST-KDTM ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc “*Yêu cầu thanh toán chi phí kiểm soát dịch hại*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01A/2023/QĐST-KDTM ngày 24/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần K. Địa chỉ: 29 đường T, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Bạch T – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo utr quyền: Ông **Huỳnh Văn Q**- Sinh năm: 1986- Chức vụ: Nhân viên theo Giấy uỷ quyền số 387/GUQ/2022 ngày 17/11/2022. Có mặt

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Du lịch D –Địa chỉ: 120A đường N, phường M, quận N, Tp Đà Nẵng- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Văn T**- Chức danh: Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn- ông **Huỳnh Văn Q** trình bày:*

Đề nghị Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn buộc Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Dịch Vụ Du Lịch D phải thanh toán cho Công ty Cổ phần K tổng cộng chi phí kiểm soát môi, côn trùng, chuột là: **23.100.000 đồng**.

- Căn cứ vào hợp đồng số 06/17/HĐPCO ngày 02/01/2017 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 02/04/2017

- Căn cứ vào hợp đồng số 97/20/HĐPCO ngày 20/01/2020

- Căn cứ hóa đơn và biên bản nghiệm thu tương ứng của các tháng 06, 07/2020

- Chi tiết công nợ chưa thanh toán từ ngày 01/06/2020 đến ngày 09/11/2022, cụ thể như sau:

Số chứng từ	Ngày chứng từ	Diễn giải	Phát sinh Nợ (VND)
0000878	13/06/2020	Kiểm soát môi các khu vực thuộc KS Royal Lotus - 100% giá trị theo HĐ số 97/20/HĐPCO ngày 20/1/2020	14.300.000
0001726	29/07/2020	Kiểm soát côn trùng & chuột tháng 7/2020	8.800.000
Tổng cộng			23.100.000

Tuy nhiên, kể từ lúc đó đến nay, VFC liên tục nhắc nợ nhưng Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Dịch Vụ Du Lịch D chỉ hứa hẹn chứ không thanh toán.

Vì vậy VFC lập hồ sơ khởi kiện kèm theo đơn này, đề nghị Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Dịch Vụ Du Lịch D tiến hành giải quyết theo pháp luật, buộc thanh toán toàn bộ số nợ: **23.100.000** (Hai mươi ba triệu, một trăm nghìn đồng chẵn - không tính lãi suất).

* **Bị đơn- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Du lịch D:** mặc dù đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; Đối với các bên đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn liên tục vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chấp hành quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: **Căn cứ Điều 290, 513, 515, 519** Bộ luật dân sự năm; **Điều 74, 85 Luật thương mại** có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Dịch Vụ Du Lịch D phải trả cho Công ty cổ phần K số tiền **23.100.000** (Hai mươi ba triệu, một trăm nghìn đồng chẵn). Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của Công ty cổ phần K nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung vụ án:**

Ngày 02/01/2017, Công ty CP K và Công ty CP Đầu tư và phát triển dịch vụ D ký hợp đồng số 06/17/HĐPCO ngày 02/01/2017 để Công ty CP K thực hiện dịch vụ kiểm soát dịch hại cho các khu vực khách sạn R; đối tượng dịch hại được kiểm soát gồm: Côn trùng bay như ruồi, muỗi và các loại côn trùng bay khác; côn trùng bò như gián, kiến; loài gặm nhấm như chuột nhắt, chuột đàn, chuột cống; thời hạn hợp đồng: hợp đồng này có giá trị trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày ký. Tổng giá trị hợp đồng là 9.000.000 đồng/tháng bảo hành (chưa bao gồm 10% VAT). Ngày 02/4/2017, hai bên ký kết phụ lục hợp đồng số 01 điều chỉnh nội dung tại Điều 7 của hợp đồng số 06. Tại phụ lục này hai bên thỏa thuận: hợp đồng số 06 có giá trị trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 02/4/2017, sau ngày 01/4/2018 hợp đồng này sẽ tự động tiếp tục có giá trị nếu như hai bên không có sự thỏa thuận nào khác. Hoàn thành xong hợp đồng số 06 và phụ lục hợp đồng số 01, Công ty CP K đã xử lý côn trùng, chuột tại Biên bản nghiệm thu ngày 09/7/2020, 21/7/2020, 28/7/2020. Do tình hình khó khăn trong giai đoạn Covid, Công ty CP K giảm giá trị hợp đồng cho Công ty CP Đầu tư và phát triển dịch vụ D còn 8.000.000 đồng và đã xuất hóa đơn VAT số 001726 ngày 29/7/2020 là 8.800.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 21/01/2020 Công ty CP K và Công ty CP Đầu tư và phát triển dịch vụ D tiếp tục ký hợp đồng số 97/20/HĐPCO với nội dung Công ty CP K thực hiện việc kiểm soát mối cho Công ty CP Đầu tư và phát triển dịch vụ D tại các khu vực thuộc khách sạn R; giá trị hợp đồng: 13.000.000 đồng (chưa bao gồm 10% VAT). Thực hiện hợp đồng, Công ty CP K đã tiến hành kiểm soát mối các khu vực thuộc khách sạn R theo các biên bản nghiệm thu ngày 22/01/2020, ngày 04/02/2020, ngày 28/4/2020, ngày 27/4/2020. Công ty CP K đã tiến hành xuất hóa đơn cho Công ty D số 0878 ngày 13/6/2020 là 14.300.000 đồng.

Tuy nhiên, kể từ đó đến nay, mặc dù Công ty cổ phần K đã nhiều lần yêu cầu Công ty D thanh toán nợ nhưng Công ty D chỉ hứa hẹn mà không thanh toán. Vì vậy, Công ty cổ phần K khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty D thanh toán toàn bộ số tiền nợ 23.100.000 đồng cho Công ty cổ phần K và không yêu cầu tính lãi. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án triệu tập nhưng Công ty D đều vắng mặt, không có bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của Công ty cổ phần K.

[3] Xét thấy: Hợp đồng kiểm soát dịch hại số 06/20/HĐPCO ngày 02/01/2017, phụ lục hợp đồng số 01 ngày 02/4/2017 và Hợp đồng số 97/20/HĐPCO ngày 21/01/2020 được ký kết giữa Công ty cổ phần K và Công ty CP Đầu tư và phát triển dịch vụ D trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty CP K đã tiến hành kiểm soát mối các khu vực thuộc khách sạn R với số tiền là 14.300.000 đồng; kiểm soát côn trùng và chuột tháng 7/2020 với số tiền là 8.800.000 đồng. Tổng cộng là 23.100.000 đồng; hai bên đã tiến hành lập biên bản nghiệm thu vào các ngày 22/01/2020; ngày 04/02/2020; ngày 27/4/2020; ngày 09/7/2020; ngày 21/7/2020 và ngày 28/7/2020.

Công ty cổ phần K cũng đã xuất hóa đơn cho Công ty D gồm: hóa đơn giá trị gia tăng số 0000878 ngày 13/6/2020 số tiền 14.300.000 đồng; hóa đơn số 001726 ngày 29/7/2020 số tiền 8.800.000 đồng. Tuy nhiên đến nay Công ty D vẫn chưa thanh toán nợ cho Công ty CP K. Căn cứ vào các biên bản nghiệm thu; các hóa đơn giá trị gia tăng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ nhận thấy: Công ty D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng số 06 ngày 02/01/2017, phụ lục hợp đồng số 01 ngày 02/4/2017 và Hợp đồng số 97/20/HĐPCO ngày 21/01/2020. Do đó, việc Công ty cổ phần K yêu cầu Công ty D thanh toán toàn bộ số tiền nợ là 23.100.000 đồng là phù hợp với **Điều 290, 513, 515, 519 Bộ luật dân sự năm**; **Điều 74, 85 Luật thương mại** nên cần chấp nhận. Công ty cổ phần K không yêu cầu tính lãi nên không đề cập giải quyết.

[4] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện VKSND quận N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể Bị đơn phải chịu theo mức án phí có giá ngạch của số tiền 23.100.000 đồng tương đương mức án phí là: **3.000.000 đồng**.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ **Điều 290, Điều 513, Điều 515, Điều 519 Bộ luật dân sự năm 2015;**

Căn cứ Điều 74, Điều 85 Luật thương mại 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty CP K đối với Công ty CP Đầu tư và phát triển dịch vụ D về việc yêu cầu thanh toán chi phí kiểm soát dịch hại.

Xử: Buộc Công ty CP Đầu tư và phát triển dịch vụ D có trách nhiệm trả cho Công ty CP K số tiền **23.100.000 đồng** (*Hai mươi ba triệu một trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí KDTM sơ thẩm: Công ty CP Đầu tư và phát triển dịch vụ D phải chịu là: **3.000.000 đồng** (*Ba triệu đồng*).

Hoàn trả lại cho Công ty CP K số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu số 1487 ngày 20/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận N;
- Chi cục THA dân sự quận N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trâm